

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/DS-ST

Ngày: 17/4/2025

V/v tranh chấp “Hợp đồng cầm cố
tài sản, Đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

2. Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 256/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng cầm cố tài sản, Đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 47/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2025/QĐST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S có ngay

Địa chỉ: A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông KANOKWATPAISAL NAPAT- Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Hà V, sinh năm 1983, Chức vụ: Nhân viên Công ty Cổ phần S – Chi nhánh L. (Có Đơn xin xét xử vắng mặt).

Theo Giấy uỷ quyền số 1983/2024/UQ-SVN ngày 01/01/2024.

Địa chỉ: 1, khóm M, phường M, thành phố L, Tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Bùi Quốc A, sinh năm 1996 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 15 tháng 4 năm 2025 của bà Nguyễn Thị Hà V là người đại úy quyền, nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay trình bày:

Ngày 10/10/2023 ông Bùi Quốc A có cầm cố tài sản là 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu SUZUKI, loại SATRIA, biển số xe: 67C1-695.69, số khung: MH8DL11AZKJ211944, số máy: CGA1ID211900, Giấy chứng nhận đăng ký số: 016169 do Công an huyện C cấp ngày 03/07/2023 cho Chi Nhánh C – Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 (*nay là Công ty Cổ phần S*) theo hợp đồng cầm cố số LJM231001003NA 19X ký ngày 10/10/2023, số tiền cầm cố 15.375.000 đồng, mục đích cầm cố là phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh, thời gian 18 tháng, lãi suất là 1,1% số tiền cầm cố/tháng, lãi suất quá hạn bằng 4% số tiền quá hạn thanh toán/tháng tính từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn, phí quản lý hồ sơ cố định 0.5% số tiền cầm cố/tháng, phí mượn xe 3,9% số tiền cầm cố/tháng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm, phí tất toán hợp đồng trước thời hạn 7% nợ gốc chưa thanh toán, chi phí tố tụng 10% trên dư nợ gốc, lãi, phí quản lý hồ sơ cố định chưa thanh toán. Theo Giấy mượn xe ký ngày 10/10/2023 thỏa thuận thời gian ông Quốc A mượn lại xe để phục vụ nhu cầu đi lại và công việc là 01 tháng từ ngày 10/10/2023 đến ngày 10/11/2023. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Bùi Quốc A đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết trong hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của Công ty. Công ty đã nhiều lần làm việc và gửi thông báo nhắc nhở để ông Quốc A trả nợ nhưng ông vẫn không thực hiện.

Do đó, Công ty khởi kiện yêu cầu ông Bùi Quốc A phải thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, loại SATRIA, biển số xe 67C1 – 695.69. Trong trường hợp ông Bùi Quốc A không trả lại chiếc xe thì buộc ông phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm tính đến ngày 15/8/2024 là 29.771.280 đồng (trong đó tiền vốn gốc là 15.375.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.678.849 đồng, phí quản lý hồ sơ cố định 763.113 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.870.121 đồng, phí mượn xe 5.996.250 đồng, P phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 1.230.000 đồng, P tất toán hợp đồng trước thời hạn: 1.076.250 đồng, chi phí tố tụng: 1.781.696 đồng), yêu cầu tiếp tục tính lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe kể từ ngày 15/8/2024 cho đến khi thanh toán xong hết nợ. Trường hợp ông Bùi Quốc A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên cho Công ty Cổ phần S có ngay được yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Bùi Quốc A có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Công ty Cổ phần S có ngay. Ngoài ra ông Bùi Quốc A phải chịu mọi chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn - Ông Bùi Quốc A: Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải giữa các đương sự nhưng ông Quốc A vắng mặt nhiều lần nên không hòa giải được.

Tại phiên toà:

- Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt. Đồng thời có Đơn xin rút lại 1 phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Quốc A thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô, trả phí quản lý hồ sơ cố định 763.113 đồng, phí mượn xe 5.996.250 đồng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 1.230.000 đồng, phí tất toán hợp đồng trước thời hạn: 1.076.250 đồng, chi phí tố tụng: 1.781.696 đồng.

- Bị đơn: Vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô, trả phí quản lý hồ sơ cố định 763.113 đồng, phí mượn xe 5.996.250 đồng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 1.230.000 đồng, phí tất toán hợp đồng trước thời hạn: 1.076.250 đồng, chi phí tố tụng: 1.781.696 đồng. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Quốc A trả cho Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền tính đến ngày 17/4/2025 là 21.265.688 đồng. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn yêu cầu ông Bùi Quốc A thanh toán nợ theo hợp đồng cầm cố tài sản và đòi tài sản. Ông Quốc A có nơi cư trú tại ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp về hợp đồng dân sự, cụ thể là Hợp đồng cầm cố tài sản và đòi tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.2 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Hà V vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên bà đã có Đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp theo quy định nên được chấp nhận; Bị đơn là ông Bùi Quốc A vắng mặt, xét thấy bị đơn đã được Tòa án niêm yết hợp lệ công khai các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Nhưng ông Quốc A đã vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

1.3 Về phạm vi yêu cầu khởi kiện: Theo Đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện ngày 14/4/2025, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu đối với bị đơn về yêu cầu ông Quốc A thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô, trả phí quản lý hồ sơ cố định 763.113 đồng, phí mượn xe 5.996.250 đồng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 1.230.000 đồng, phí tất toán hợp đồng trước thời hạn: 1.076.250 đồng, chi phí tố tụng: 1.781.696 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật nên chấp nhận. Tòa án chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu nêu trên theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ông Quốc A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nhưng ông vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, ông đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2.1] Về hợp đồng cầm cố tài sản: Hợp đồng cầm cố số LJM231001003NA 19X ký ngày 10/10/2023 được ký kết giữa Công ty TNHH S1 (nay là Công ty Cổ phần S Có Ngay) và ông Bùi Quốc A được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội, các bên tham gia đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Theo đó, ông Quốc A cầm cố cho Công ty A1 (một) xe mô tô, nhãn hiệu SUZUKI, loại SATRIA, biển số xe: 67C1-695.69, số khung: MH8DL11AZKJ211944, số máy: CGA1ID211900, Giấy chứng nhận đăng ký số: 016169 do Công an huyện C cấp ngày 03/07/2023 để nhận số tiền 15.375.000 đồng nhưng không thực hiện trả vốn gốc và lãi khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ đã thỏa thuận nên Công ty yêu cầu ông Quốc A trả vốn gốc, lãi đã được thỏa thuận trong hợp đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 309, 311, 314 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do đó, buộc ông Quốc A có trách nhiệm trả cho Công ty S Có Ngay số tiền còn nợ tính đến ngày 17/4/2025 là 21.265.688 đồng (trong đó vốn gốc 15.375.000 đồng, lãi trong hạn là 1.459.613 đồng, lãi quá hạn là 4.431.075 đồng)

Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến khi bị đơn thanh toán xong nợ: Căn cứ quy định của pháp luật tại Điều 309 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Xét thấy “Hợp đồng cầm cố tài sản” giữa các bên là giữa cá nhân, pháp nhân không phải là tổ chức tín dụng với nhau (không phải là hợp đồng tín dụng) nên chỉ được áp dụng quy định về lãi, lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà không được áp dụng quy định về lãi, lãi suất theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Về xử lý tài sản bảo đảm: Đối với 01 xe mô tô, nhãn hiệu SUZUKI, loại SATRIA, biển số xe: 67C1-695.69 đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo phiếu

yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 10/10/2023 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh - Cục Đăng ký bảo đảm nên Công ty S Có Ngay yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14:

- Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty S Có Ngay số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Bị đơn ông Bùi Quốc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 298, Điều 299, Điều 303, Điều 309, Điều 311, Điều 314 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 147, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Có Ngay về việc yêu cầu ông Bùi Quốc A giao trả 01 xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, loại SATRIA, biển số xe: 67C1-695.69, trả phí quản lý hồ sơ cố định 763.113 đồng, phí mượn xe 5.996.250 đồng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 1.230.000 đồng, phí tất toán hợp đồng trước thời hạn 1.076.250 đồng, chi phí tố tụng 1.781.696 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Có Ngay: Buộc ông Bùi Quốc A có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền tính đến ngày 17/4/2025 là 21.265.688 đồng (*Hai mươi một triệu, hai trăm sáu mươi lăm ngàn, sáu trăm tám mươi tám đồng*), trong đó vốn gốc 15.375.000 đồng, lãi trong hạn là 1.459.613 đồng, lãi quá hạn là 4.431.075 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Trường hợp ông Bùi Quốc A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty cổ phần S Có Ngay có quyền yêu cầu cơ quan thi hành

án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu SUZUKI, loại SATRIA, biển số xe: 67C1-695.69, số khung: MH8DL11AZKJ211944, số máy: CGA1ID211900, Giấy chứng nhận đăng ký số: 016169 do Công an huyện C cấp cho ông Bùi Quốc A ngày 03/07/2023 đề thu hồi nợ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty cổ phần S Có Ngay được nhận lại 744.000 đồng (*Bảy trăm bốn mươi bốn ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007868 ngày 18/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Buộc ông Bùi Quốc A phải chịu 1.064.000 đồng (*Một triệu, không trăm sáu mươi bốn ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đều có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện; Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Chi cục THA Châu Thành;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Trinh